

Số: **204/QĐ-UBND**

Đắk Nông, ngày **04** tháng 02 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế thực hiện chế độ cử tuyển
đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 141/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 05/TTr-SGDĐT ngày 19 tháng 01 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thực hiện chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số.

Điều 2. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1649/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông ban hành Quy chế thực hiện chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này *nb*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ GD&ĐT; Bộ Nội vụ (B/c);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Báo Đắk Nông; Đài PT&TH Đắk Nông;
- Lưu: VT, CTTĐT, KGVX_(vn).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Ngọc Hạnh
Tôn Thị Ngọc Hạnh

QUY CHẾ

Thực hiện chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số
(Kèm theo Quyết định số **204** /QĐ-UBND ngày **04** tháng **02** năm **2021**
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định chế độ cử tuyển đối với người học là người dân tộc thiểu số, bao gồm: đối tượng, tiêu chuẩn, chỉ tiêu, quy trình và kinh phí thực hiện chế độ cử tuyển; xét tuyển, bố trí việc làm, bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo đối với người được cử tuyển và tổ chức thực hiện chế độ cử tuyển.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Người học là người dân tộc thiểu số thuộc đối tượng được hưởng chế độ cử tuyển gồm:

1. Người dân tộc thiểu số rất ít người.
2. Người dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn chưa có hoặc có rất ít đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số.

Điều 3. Chế độ cử tuyển

1. Cử tuyển là việc tuyển sinh qua phương thức xét tuyển vào đại học, cao đẳng, trung cấp đối với người học được quy định tại Điều 2 Quy chế này.
2. Chế độ cử tuyển bao gồm: tuyển sinh; tổ chức và chi phí đào tạo; xét tuyển vào công chức, viên chức sau khi tốt nghiệp; bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo nếu người được cử đi học không chấp hành việc xét tuyển và bố trí việc làm sau khi tốt nghiệp theo cam kết.

Điều 4. Nguyên tắc cử tuyển

1. Đúng đối tượng, tiêu chuẩn theo quy định.
2. Khách quan, công bằng, công khai, minh bạch.
3. Cơ quan, địa phương cử người đi học theo chế độ cử tuyển có trách nhiệm tiếp nhận, phân công công tác cho người được cử đi học sau khi tốt nghiệp.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của người học theo chế độ cử tuyển

1. Người học theo chế độ cử tuyển có những quyền sau đây:
 - a) Được thông tin đầy đủ về chế độ cử tuyển;

b) Được cấp học bổng, miễn học phí và hưởng các chế độ ưu tiên khác theo quy định hiện hành của Nhà nước trong thời gian đào tạo;

c) Được tiếp nhận hồ sơ để xét tuyển và bố trí việc làm sau khi tốt nghiệp.

2. Người học theo chế độ cử tuyển có những nghĩa vụ sau đây:

a) Cam kết trước khi được cử tuyển và chấp hành sự cam kết với cơ quan, địa phương cử đi học về sự xét tuyển vào công chức, viên chức sau khi tốt nghiệp;

b) Chấp hành các quy định của pháp luật và nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo; hoàn thành chương trình đào tạo theo ngành học do cơ quan cử đi học phân công;

c) Bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo nếu thuộc các trường hợp quy định tại Điều 11 Quy chế này.

Chương II **TIÊU CHUẨN, CHỈ TIÊU, QUY TRÌNH** **VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ CỬ TUYỂN**

Điều 6. Tiêu chuẩn tuyển sinh theo chế độ cử tuyển

1. Tiêu chuẩn chung

a) Thường trú từ 05 năm liên tục trở lên tính đến năm tuyển sinh tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; có cha mẹ đẻ hoặc cha mẹ nuôi (hoặc có một trong hai bên là cha đẻ hoặc mẹ đẻ, cha nuôi hoặc mẹ nuôi), người trực tiếp nuôi dưỡng sống tại vùng này;

b) Đạt các tiêu chuẩn sơ tuyển đối với các ngành, nghề có yêu cầu sơ tuyển;

c) Không quá 22 tuổi tính đến năm tuyển sinh, có đủ sức khỏe theo quy định hiện hành.

d) Chưa được tuyển dụng vào bất kỳ cơ quan hành chính hoặc đơn vị sự nghiệp công lập nào của nhà nước.

2. Ngoài tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 1 Điều này, người học được cử tuyển vào đại học phải đáp ứng các tiêu chuẩn cụ thể sau:

a) Tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT);

b) Xếp loại hạnh kiểm các năm học của cấp học THPT đạt loại tốt;

c) Xếp loại học lực năm cuối cấp đạt loại khá trở lên;

d) Có thời gian học đủ 03 năm học và tốt nghiệp THPT tại trường thuộc địa bàn tuyển sinh theo quy định hoặc tại trường phổ thông dân tộc nội trú.

3. Ngoài tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 1 Điều này, người học được cử tuyển vào cao đẳng phải đáp ứng các tiêu chuẩn cụ thể sau:

a) Tốt nghiệp trung học phổ thông;



- b) Xếp loại hạnh kiểm các năm học của cấp học THPT đạt loại tốt;
- c) Xếp loại học lực năm cuối cấp đạt loại trung bình trở lên;
- d) Có thời gian học đủ 03 năm học và tốt nghiệp THPT tại trường thuộc địa bàn tuyển sinh theo quy định hoặc tại trường phổ thông dân tộc nội trú.

4. Ngoài tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 1 Điều này, người học được cử tuyển vào trung cấp phải đáp ứng các tiêu chuẩn cụ thể sau:

- a) Tốt nghiệp trung học cơ sở (THCS) hoặc trung học phổ thông;
- b) Xếp loại hạnh kiểm các năm học của cấp học cuối đạt loại khá trở lên;
- c) Xếp loại học lực năm cuối cấp đạt loại trung bình trở lên;
- d) Có thời gian học đủ 04 năm học và tốt nghiệp THCS hoặc học đủ 03 năm học và tốt nghiệp THPT tại trường thuộc địa bàn tuyển sinh theo quy định hoặc tại trường phổ thông dân tộc nội trú.

5. Ưu tiên trong tuyển sinh cử tuyển

Người học đạt đủ các tiêu chuẩn tuyển sinh cử tuyển quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau thì được ưu tiên trong cử tuyển vào đại học, cao đẳng, trung cấp theo thứ tự:

- a) Con liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, người có giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh;
- b) Học tại trường phổ thông dân tộc nội trú;
- c) Trúng tuyển vào đại học, cao đẳng, trung cấp tại năm xét đi học cử tuyển;
- d) Đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi từ cấp huyện trở lên;
- đ) Trường hợp người học thuộc đối tượng được hưởng nhiều ưu tiên đồng thời thì chỉ được hưởng một ưu tiên cao nhất trong tuyển sinh cử tuyển.

Điều 7. Chỉ tiêu cử tuyển

1. Nguyên tắc xác định chỉ tiêu cử tuyển

- a) Chỉ tiêu cử tuyển được xác định theo từng năm và được cơ quan có thẩm quyền giao theo từng ngành nghề, trình độ đào tạo;
- b) Chỉ tiêu cử tuyển do UBND cấp xã xây dựng và đề xuất.

2. Căn cứ đề xuất chỉ tiêu cử tuyển

- a) Căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm, số lượng người làm việc và số biên chế công chức được giao đối với vị trí việc làm là cán bộ, công chức;
- b) Căn cứ vào nhu cầu công việc, vị trí việc làm, số lượng người làm việc được giao, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, quỹ tiền lương của đơn vị sự nghiệp công lập đối với vị trí việc làm là viên chức;
- c) Căn cứ vào kế hoạch, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương có đối tượng cử tuyển quy định tại Điều 2 Quy chế này.

3. Quy trình xây dựng chỉ tiêu cử tuyển

a) Hằng năm, UBND cấp xã báo cáo đề xuất chỉ tiêu cử tuyển lên UBND cấp huyện trước 15 tháng 3;

b) UBND cấp huyện tổng hợp báo cáo đề xuất chỉ tiêu cử tuyển lên UBND tỉnh;

c) UBND tỉnh tổng hợp đề xuất của các địa phương và các quy định tại khoản 2 Điều này xây dựng, đề xuất chỉ tiêu cử tuyển lên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

4. Đăng ký chỉ tiêu cử tuyển

UBND cấp huyện tổng hợp chỉ tiêu cử tuyển của địa phương (kèm theo dự kiến kế hoạch sử dụng) gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 30 tháng 3 hằng năm. Sau thời gian trên, đơn vị nào không đăng ký coi như đơn vị đó không có nhu cầu cử tuyển.

Trên cơ sở tổng hợp nhu cầu cử tuyển của các huyện, thành phố, Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với đơn vị liên quan tham mưu, đề xuất UBND tỉnh (trước 15 tháng 5 hằng năm) đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt chỉ tiêu cử tuyển ngành nghề đào tạo trình độ đại học, cao đẳng sư phạm; đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt chỉ tiêu cử tuyển ngành nghề đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp (Mẫu số 01).

Điều 8. Quy trình cử tuyển

1. Thông báo kế hoạch cử tuyển

Căn cứ chỉ tiêu cử tuyển được Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội giao, Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu UBND tỉnh xây dựng kế hoạch cử tuyển và đăng thông báo công khai ít nhất 02 lần trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh, huyện và xã là báo in hoặc báo điện tử hoặc báo nói hoặc báo hình; đăng tải trên trang thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND các huyện, thành phố (phòng Giáo dục và Đào tạo); UBND các xã (vùng) có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

2. Người đăng ký xét tuyển học theo chế độ cử tuyển nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua Bưu điện đến Trung tâm Hành chính công của tỉnh hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo hoặc qua Cổng dịch vụ công cấp tỉnh hoặc Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh.

3. Hồ sơ đăng ký xét tuyển học theo chế độ cử tuyển gồm:

a) Đơn đăng ký xét tuyển học theo chế độ cử tuyển (Mẫu số 02);

b) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính giấy khai sinh;

c) Sơ yếu lý lịch (Mẫu số 03);

d) Giấy chứng nhận con liệt sĩ, con thương binh, bệnh binh; người được hưởng chính sách như thương binh (nếu có);

đ) Hai ảnh chân dung (cỡ 4x6 cm) chụp trong vòng 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ;

e) Một phong bì có dán tem và ghi rõ địa chỉ liên lạc của người đăng ký học theo chế độ cử tuyển.

4. Thời hạn nhận hồ sơ của người đăng ký xét tuyển học theo chế độ cử tuyển là 30 ngày kể từ ngày thông báo kế hoạch cử tuyển theo khoản 1 Điều này.

5. Chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày xét tuyển, hội đồng cử tuyển lập danh sách người có đủ tiêu chuẩn dự tuyển học theo chế độ cử tuyển và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của Sở Giáo dục và Đào tạo.

6. Thành lập hội đồng cử tuyển

a) Hội đồng cử tuyển (gọi tắt là hội đồng) do Chủ tịch UBND tỉnh thành lập, giúp Chủ tịch UBND tỉnh tuyển sinh cử tuyển;

b) Thành phần hội đồng gồm: Chủ tịch hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND tỉnh; Phó Chủ tịch thường trực hội đồng là Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Phó Chủ tịch hội đồng là Giám đốc Sở Nội vụ và Trưởng ban Dân tộc tỉnh; các thành viên khác gồm: Đại diện lãnh đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các Sở, ban, ngành có liên quan đến lĩnh vực dự kiến xét tuyển, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;

c) Nhiệm vụ của hội đồng: thẩm định hồ sơ, xét chọn và đề xuất danh sách người đủ tiêu chuẩn đi học theo chế độ cử tuyển theo chỉ tiêu được giao. Chủ tịch hội đồng chịu trách nhiệm trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt danh sách người được cử đi học theo chế độ cử tuyển;

d) Nguyên tắc làm việc của hội đồng: hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập thể và quyết định theo đa số. Trường hợp số ý kiến bằng nhau thì quyết định theo ý kiến của Chủ tịch hội đồng;

đ) Thông báo kết quả xét duyệt: chậm nhất là 05 ngày làm việc sau ngày xét tuyển, hội đồng cử tuyển phải trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt danh sách người trúng tuyển đi học theo chế độ cử tuyển. Hội đồng thông báo công khai kết quả xét duyệt cử tuyển ngay sau khi được phê duyệt trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của Sở Giáo dục và Đào tạo.

7. Cử đi đào tạo

Hội đồng gửi hồ sơ và danh sách người trúng tuyển đã được phê duyệt đến cơ sở đào tạo. Sau khi nhận thông báo nhập học, Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu UBND tỉnh ban hành quyết định cử đi học theo chế độ cử tuyển.

Điều 9. Kinh phí đào tạo

Kinh phí đào tạo người học theo chế độ cử tuyển được cân đối trong dự toán chi ngân sách nhà nước của lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp hàng năm theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước. Trong đó, Học bổng chính sách của người học theo chế độ cử tuyển được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục.

Trường hợp người học cử tuyển học các ngành đào tạo giáo viên thì chính sách hỗ trợ tiền chi phí sinh hoạt được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ Quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm.

Chương III XÉT TUYỂN, BỔ TRÍ VIỆC LÀM VÀ BỒI HOÀN HỌC BỔNG, CHI PHÍ ĐÀO TẠO

Điều 10. Xét tuyển và bổ trí việc làm đối với người được cử đi học theo chế độ cử tuyển sau khi tốt nghiệp

1. Hằng năm, cơ sở đào tạo bàn giao danh sách, hồ sơ và bằng tốt nghiệp của người học theo chế độ cử tuyển cho tỉnh (qua Sở Giáo dục và Đào tạo). Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm lập danh sách người học theo chế độ cử tuyển tốt nghiệp và gửi về Sở Nội vụ.

2. Căn cứ Khoản 1 Điều này, Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh thành lập Hội đồng xét tuyển vào công chức, viên chức đối với sinh viên cử tuyển sau khi tốt nghiệp. Thành phần hội đồng có 5 hoặc 7 thành viên do Sở Nội vụ tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

3. Hội đồng xét tuyển vào công chức, viên chức đối với sinh viên cử tuyển căn cứ các quy định hiện hành và văn bản tham mưu của Sở Nội vụ, tổ chức xét tuyển vào công chức, viên chức đối với các sinh viên cử tuyển đã tốt nghiệp, báo cáo kết quả về UBND tỉnh.

4. UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng công chức, viên chức tổ chức thi tuyển, xét tuyển vào công chức, viên chức đối với sinh viên cử tuyển sau khi tốt nghiệp; đồng thời, báo cáo kết quả về UBND tỉnh thông qua Sở Nội vụ.

5. Thời gian người học theo chế độ cử tuyển chờ xét tuyển và bổ trí việc làm tối đa là 12 tháng, kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ để xét tuyển.

Điều 11. Trường hợp phải bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo

Người học theo chế độ cử tuyển thuộc một trong các trường hợp sau đây thì phải bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo:

1. Người tự thôi học hoặc bị kỷ luật buộc thôi học, trừ các trường hợp tự thôi học do bất khả kháng.

2. Người không chấp hành việc xét tuyển và bố trí việc làm sau khi tốt nghiệp theo cam kết.

3. Người có thời gian làm việc sau tốt nghiệp theo vị trí việc làm do UBND tỉnh điều động ít hơn hai lần thời gian được hưởng học bổng và chi phí đào tạo.

4. Người bị kỷ luật thôi việc trong thời gian đang chấp hành nghĩa vụ làm việc theo sự điều động.

Điều 12. Chi phí bồi hoàn và cách tính chi phí bồi hoàn

1. Chi phí bồi hoàn bao gồm: học bổng và các khoản chi phí đào tạo đã được ngân sách nhà nước cấp cho người học theo chế độ cử tuyển.

2. Cách tính chi phí bồi hoàn

a) Đối với trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 11 Quy chế này, cách tính chi phí bồi hoàn được tính theo công thức sau:

$$S = (HB+CF) \times N$$

Trong đó: S là chi phí bồi hoàn; HB là học bổng người học được hưởng trong một tháng; CF là chi phí đào tạo người học trong một tháng; N là thời gian người học đã học theo chế độ cử tuyển được tính bằng số tháng làm tròn;

b) Đối với trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 11 Quy chế này, cách tính chi phí bồi hoàn được tính theo công thức sau:

$$S = \frac{T - t}{T} \times (HB+CF) \times N$$

Trong đó: T là số tháng người cử tuyển phải chấp hành nghĩa vụ làm việc theo sự điều động; t là số tháng người cử tuyển đã làm việc theo sự điều động; các ký hiệu: S, HB, CF và N xác định theo quy định tại điểm a khoản này.

Điều 13. Thẩm quyền quyết định việc bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo

1. Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định việc bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo đối với người học cử tuyển vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 11 Quy chế này.

2. Chủ tịch UBND cấp huyện, thủ trưởng cơ quan quản lý người lao động (cấp tỉnh) quyết định việc bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo đối với người học cử tuyển vi phạm quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 11 Quy chế này.

Điều 14. Trả và thu hồi chi phí bồi hoàn

1. Chậm nhất trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, người học cử tuyển có trách nhiệm nộp trả đầy đủ khoản tiền phải bồi hoàn.

2. Chi phí bồi hoàn được nộp vào ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành và theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước về quản lý khoản thu hồi nộp ngân sách.



3. Trường hợp người học không thực hiện nghĩa vụ bồi hoàn thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định bồi hoàn có quyền khởi kiện theo quy định pháp luật.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Sở Giáo dục và Đào tạo

1. Tham mưu UBND tỉnh thành lập Hội đồng cử tuyển để giúp UBND tỉnh thực hiện công tác cử tuyển trên địa bàn tỉnh.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu lập dự toán kinh phí đào tạo trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Tham mưu UBND tỉnh hợp đồng đào tạo với các cơ sở giáo dục thực hiện chế độ cử tuyển theo quy định về đặt hàng đào tạo.

4. Trực tiếp theo dõi, quản lý người học theo chế độ cử tuyển trong quá trình đào tạo.

5. Thực hiện trả bằng tốt nghiệp cho sinh viên cử tuyển sau khi sinh viên cử tuyển đã có thời gian làm việc theo sự phân công công tác của UBND tỉnh bằng hai lần thời gian được hưởng học bổng và chi phí đào tạo trở lên kể từ ngày được công nhận tốt nghiệp, hoặc sinh viên cử tuyển tốt nghiệp đã quá 12 tháng mà chưa được xét tuyển vào công chức, viên chức theo quy định.

6. Báo cáo kết quả thực hiện chế độ cử tuyển của tỉnh sau khi kết thúc kỳ tuyển sinh cử tuyển của năm với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Ủy ban Dân tộc (Mẫu số 03).

7. Tham mưu giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với việc cử tuyển, đào tạo.

Điều 16. Sở Nội Vụ

1. Tham mưu UBND tỉnh thực hiện việc xét tuyển vào công chức, viên chức đối với sinh viên tốt nghiệp cử tuyển theo quy định tại Điều 10 Chương 3 Quy định này.

2. Tham mưu giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với việc xét tuyển vào công chức, viên chức.

Điều 17. Ban Dân tộc

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ xác định tỷ lệ, phạm vi, mức độ của các dân tộc thiểu số chưa có hoặc có rất ít cán bộ có trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp; đề xuất cử tuyển và xét tuyển vào công chức, viên chức đối với sinh viên cử tuyển đã tốt nghiệp.

Điều 18. Sở Tài chính

1. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền phân bổ kinh phí thực hiện theo đúng quy định.

2. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, UBND các huyện, thành phố thu hồi tiền bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo đối với người học theo chế độ cử tuyển vi phạm theo quy định tại Điều 11 Quy chế này.

Điều 19. Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố

1. Phổ biến rộng rãi, kịp thời, công khai và đầy đủ các nội dung về chủ trương, đối tượng, chỉ tiêu, hồ sơ thủ tục, thời gian nhận hồ sơ cử tuyển ở từng cấp và thông báo đầy đủ, chính xác, kịp thời kết quả xét duyệt của Hội đồng cấp tỉnh đến các đối tượng có hồ sơ dự tuyển và nhân dân địa phương. Khi có nghi vấn hoặc đơn thư khiếu nại, tố cáo liên quan đến chế độ cử tuyển, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ và kịp thời với Hội đồng cử tuyển của tỉnh để xác minh, sớm làm rõ và trả lời đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân.

2. UBND các huyện, thành phố chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ nghiên cứu, xây dựng quy hoạch đào tạo cán bộ cho vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và các dân tộc thiểu số chưa có hoặc có rất ít cán bộ đạt trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp.

Điều 20. Hướng dẫn thi hành - xử lý vi phạm

1. Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm triển khai và hướng dẫn thi hành Quy chế này.

2. Cơ quan, đơn vị, địa phương nào không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định tại Quy chế này, để xảy ra tình trạng khiếu nại, tố cáo thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm, thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương đó sẽ bị xử lý theo quy định về trách nhiệm đối với người đứng đầu.

Những vấn đề liên quan đến chế độ cử tuyển không ghi trong Quy chế này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 141/2020/NĐ-CP./.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày tháng năm

ĐƠN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN HỌC THEO CHẾ ĐỘ CỬ TUYỂN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông

1. Họ và tên người đăng ký học: Nam/nữ
 2. Ngày, tháng, năm sinh:
 3. Dân tộc: Tôn giáo
 4. Địa chỉ thường trú (ghi rõ thôn, bản, xã, huyện, tỉnh):
 5. Ngành dự định xin học:
 - Trình độ đào tạo (ĐH, CĐ, TC):
 6. Thuộc đối tượng ưu tiên
 7. Đã tốt nghiệp:
 - Ngày, tháng, năm dự thi tốt nghiệp:
 8. Xếp loại năm cuối cấp/cuối khoá: Học lực: Hạnh kiểm (rèn luyện)
 9. Điểm các môn thi THPT/THCS: Môn 1:.....; Môn 2:.....; Môn 3:..... ; Môn 4:.....; Môn 5:.....; Môn 6:.....
 10. Điểm thi đại học, cao đẳng, trung cấp (nếu có):.....
 11. Đoạt giải (nếu có) môn kỳ thi học sinh giỏi hoặc kỳ thi Olympic: năm
- Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai, tôi xin chịu trách nhiệm xử lý theo quy định của pháp luật.
- Nếu được chấp nhận, tôi xin cam kết: chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước đối với người học theo chế độ cử tuyển, sau khi tốt nghiệp sẽ chấp hành sự bố trí việc làm của Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Nếu không thực hiện đúng những quy định đối với người học theo chế độ cử tuyển, tôi sẽ có trách nhiệm bồi hoàn học bổng và chi phí đào tạo theo quy định hiện hành.
- Khi cần, báo tin cho ai, địa chỉ, điện thoại (nếu có):
-

NGƯỜI ĐĂNG KÝ HỌC
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Họ và tên (1) : Giới tính

Ngày tháng năm sinh:

Nguyên quán:

CMND hoặc căn cước công dân số : Cấp ngày

Nơi cấp

Nơi đăng ký thường trú (2):

.....

Đang thường trú tại nơi đăng ký hộ khẩu nêu trên từ ngàytháng.....năm
...đến ngày tháng năm (tính đến nay là 5 năm liên tục).

Hiện nay đang học tại (3):

.....

Tình trạng sức khỏe hiện nay:

Lý do xác nhận (4):

HOÀN CẢNH GIA ĐÌNH

Họ và tên bố đẻ: Tuổi

Nghề nghiệp

Trước cách mạng Tháng 8 làm gì? Ở đâu?

.....

.....

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp làm gì? Ở đâu?

.....

.....

Từ năm 1955 đến nay làm gì? Ở đâu?

.....

.....

Đang thường trú và sinh sống ở tại nơi đăng ký thường trú nêu trên từ ngày ...
tháng năm đến ngày tháng ... năm (tính đến nay là 5 năm liên tục).

Họ và tên mẹ đẻ: Tuổi

Nghề nghiệp

Trước cách mạng Tháng 8 làm gì? Ở đâu?

.....
.....

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp làm gì? Ở đâu?

.....
.....

Từ năm 1955 đến nay làm gì? Ở đâu?

.....
.....

Đang thường trú và sinh sống ở tại nơi đăng ký thường trú nêu trên từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm (tính đến nay là 5 năm liên tục).

Họ và tên bố nuôi (nếu có): Tuổi

Nghề nghiệp:

Đang thường trú và sinh sống ở tại nơi đăng ký thường trú nêu trên từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm (tính đến nay là 5 năm liên tục).

Họ và tên mẹ nuôi (nếu có): Tuổi

Nghề nghiệp:

Đang thường trú và sinh sống ở tại nơi đăng ký thường trú nêu trên từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm (tính đến nay là 5 năm liên tục).

Họ và tên người nuôi dưỡng (nếu có): Tuổi

Nghề nghiệp:

Đang thường trú và sinh sống ở tại nơi đăng ký thường trú nêu trên từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm (tính đến nay là 5 năm liên tục).

HỌ VÀ TÊN VỢ HOẶC CHỒNG, CÁC CON VÀ ANH CHỊ EM RUỘT
(Ghi rõ họ tên, tuổi, chỗ ở, nghề nghiệp và trình độ chính trị của từng người)

QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BẢN THÂN

Từ tháng năm đến tháng năm	Học tập hay làm gì	Ở đâu	Giữ chức vụ gì

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Khen thưởng:



Ký luật:

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan các thông tin trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu có điều gì sai trái tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn.

Địa danh, ngày... tháng... năm ...

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CHỦ TỊCH UBND CẤP XÃ

Xác nhận anh (chị) sinh ngày ... tháng ...
năm có đăng ký thường trú tại: từ ngày
tháng năm đến ngày tháng năm

Địa danh, ngày tháng năm

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Viết chữ in hoa.
- (2) Ghi rõ: Thôn (bản), phum, sóc..., xã (phường), huyện (quận), tỉnh (thành phố).
- (3) Ghi rõ trường đang học năm cuối cấp.
- (4) Để xét đi học theo chế độ cử tuyển.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày tháng năm

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện chế độ cử tuyển
(Năm

Kính gửi:.....

1. Tình hình triển khai thực hiện chế độ cử tuyển tại địa phương
 - a) Số lượng sinh viên cử tuyển tuyển mới trong năm hiện tại (chia theo ngành học, dân tộc và nơi đào tạo cụ thể);
 - b) Số lượng sinh viên cử tuyển đang học hiện nay (chia theo ngành học, dân tộc và nơi đào tạo cụ thể);
 - c) Kế hoạch bố trí việc làm cho sinh viên cử tuyển sau tốt nghiệp trong năm;
 - d) Các vấn đề khác liên quan.
2. Đánh giá chung
 - a) Ưu điểm;
 - b) Hạn chế và nguyên nhân.
3. Dự kiến công tác cử tuyển năm tiếp theo
 - a) Số lượng sinh viên cử tuyển tuyển mới;
 - b) Ngành học cử tuyển;
 - c) Cơ cấu dân tộc;
 - d) Kế hoạch xét duyệt học sinh đi học theo chế độ cử tuyển;
 - đ) Kế hoạch bố trí việc làm cho sinh viên cử tuyển sau tốt nghiệp.
 - e) Các vấn đề khác.
4. Đề xuất, kiến nghị về chế độ cử tuyển (nếu có)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH....
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)